

Bản án số: /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07/8/2018

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Hiền

- Ông Nguyễn Văn Bạch

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 283/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2018/QĐXX-ST ngày 16 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T.

Nơi ĐKTT: ấp N, xã M, huyện C, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn L, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã M, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 28/5/2018 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm T trình bày: Chị với anh Trần Văn L quen biết và sống chung với nhau như vợ chồng từ tháng 02/2010, đến năm 2012 thì đi đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến tháng 8/2017 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay. Con chung: có 01 đứa tên Trần Lê Thanh Th, sinh ngày 24/10/2011. Tài sản chung và nợ chung: đều không có.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết: Cho chị được ly hôn với anh L. Con chung: chị đồng ý giao con cho anh L nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai và lời khai tại tòa, bị đơn anh Trần Văn L trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung giống như lời trình bày của chị T là đúng. Bản thân anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không trầm

trọng, anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án cho ly hôn, anh yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm T khởi kiện ly hôn bị đơn anh Trần Văn L theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Cẩm T và anh Trần Văn L tự tìm hiểu quen biết với nhau rồi chung sống với nhau như vợ chồng vào tháng 02/2010, đến năm 2012 anh, chị đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19/2012, quyển 01/2012, ngày 13/4/2012 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Nhưng xét thấy quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh L đã thật sự đổ vỡ không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, theo chị T và anh L trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc nhưng bắt đầu tháng từ 8/2017 thì xảy ra mâu thuẫn và ly thân đến nay, nguyên nhân do bị anh L nhiều lần mắng chửi xúc phạm chị và anh L cũng thừa nhận điều này. Mặc dù, đã được Tòa án động viên, phân tích, hòa giải nhưng anh chị vẫn không đoàn tụ, bản thân anh L cũng không đưa ra được biện pháp nào thiết thực để vợ chồng đoàn tụ. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh L thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị T và anh L có 01 con chung tên Trần Lê Thanh Th, sinh ngày 24/10/2011, tại tòa chị T và anh L thỏa thuận giao con chung cho anh L tiếp tục nuôi, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận giao con chung cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh L trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm

2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1 - Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Cẩm T. Cho chị Lê Thị Cẩm T được ly hôn anh Trần Văn L.

2 - Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Lê Thanh Th, sinh ngày 24/10/2011 cho anh Trần Văn L nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3 - Về án phí:

Chị Lê Thị Cẩm T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 15646 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy xem như thi hành xong.

4 – Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5 - Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Mỹ Thành Nam, LC, TG
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Ngoan